| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7 – TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-8-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Tô Đình Vĩ.
*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Nhữ Thị Nga;

Bà Trần Thu Hoài;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Anh Thị Thanh Tâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hạng Mí H, sinh năm 1986;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn X, xã N, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Giàng Thị M, sinh năm 1986;

Địa chỉ nơi cư trú trước khi mất tích: Thôn X, xã N, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hạng Mí H trình bày: Anh và chị Giàng Thị M về sống chung với nhau năm 2005, có tổ chức đám cưới, ngày 01/3/2005 đã đến UBND xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) để đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2021, chị M không biết vì lý do gì đã bỏ nhà đi biệt tích, Tòa án cũng đã có Quyết định tuyên bố chị Giàng Thị M là người mất tích vào ngày 19/9/2024. Đến thời điểm này chị M vẫn không có tin tức gì, do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Giàng Thị M.

Về con chung: Anh và chị M có với nhau 03 người con chung là cháu Hạng Văn M1, sinh năm 2005, Hạng Văn S, sinh năm 2007 và cháu Hạng Văn T (đã chết). Hiện nay cháu M1 và cháu S đều đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Trong đơn khởi kiện anh có đề nghị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hạng Thị Như Q sinh ngày 16/12/2019. Do khi làm đơn không hiểu nên đã yêu cầu như vậy. Cháu Q không phải là con chung của anh và chị M. Cháu Q có mẹ là Ly Thị L, do chị L năm 2022 đã chết, nên anh H đã nhận cháu Q làm con từ ngày 24/7/2023. Do vậy, anh H xin được rút lại yêu cầu về tranh chấp về nuôi con trong vụ án này.

Về tài sản chung: không có. không đề nghị giải quyết

Về công nợ chung: không có, không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ án phí cho anh H.

Bị đơn chị Giàng Thị M, vắng mặt. Ngày 19/9/2024 Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 11/2024/QĐST-DS tuyên bố chị Giàng Thị M mất tích, đến nay chị M không có mặt tại nơi cư trú, cũng không có tin tức gì về chị M.

Tại phiên tòa, anh Hạng Mí H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh H được ly hôn với chị M; Đình chỉ yêu cầu tranh chấp về nuôi con; Anh H có đơn xin miễn án phí, đề nghị miễn án phí sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Giàng Thị M đã được Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang) tuyên bố mất tích bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2024/QĐST-DS ngày 19/9/2024 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Anh Hạng Mí H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Giàng Thị M, có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn X, xã

N, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hạng Mí H và chị Giàng Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh H và chị M là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì chị M bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay không có tin tức gì. Anh H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị M mất tích. Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã thực hiện trình tự tố tụng và thông báo tìm kiếm chị M nhưng không có kết quả, không có thông tin gì về chị M. Ngày 19/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ đã ra quyết định tuyên bố chị Giàng Thị M mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, cuộc sống chung giữa anh H và chị M không còn tồn tại, anh H yêu cầu xin ly hôn với chị M là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, cho anh H được ly hôn với chị Giàng Thị M.

[4] Về con chung: Anh H và chị M có 03 con chung cháu Hạng Văn M1, sinh năm 2005, Hạng Văn S, sinh năm 2007 và cháu Hạng Văn T (đã chết). Hiện nay cháu M1 và cháu S đều đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Trong đơn khởi kiện anh có đề nghị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hạng Thị Như Q sinh ngày 16/12/2019. Cháu Q không phải là con chung của anh H và chị M. Cháu Q có mẹ là Ly Thị L, do chị L năm 2022 đã chết, nên anh H đã nhận cháu Q làm con từ ngày 24/7/2023. Xét thấy, cháu M1 và cháu S đã trên 18 tuổi, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Hạng Thị Như Q, cháu Q có mẹ đẻ là Ly Thị L có địa chỉ nơi cư trú tại thôn X, xã N, tỉnh Tuyên Quang, chị L do bệnh tật nên tháng 06 năm 2023 đã mất. Anh Hạng Mí H là người cùng thôn, thấy hoàn cảnh cháu Ly Su H1 (tên khai sinh của cháu Hạng Thị Như Q) còn nhỏ và không có ai chăm sóc nên đã làm thủ tục nhận cha cho con và thay đổi họ tên cháu thành Hạng Thị Như Q. Cháu Q không phải con chung của anh H và chị M. Anh H cũng đã có đơn xin rút yêu cầu về tranh chấp con chung. Do đó, cần đình chỉ phần yêu cầu về tranh chấp con chung trong vụ án này.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh H2 Mí Hồ được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Hạng Mí H.

Xử cho anh H2 Mí Hồ được ly hôn với chị Giàng Thị M.

2. Về con chung: Đình chỉ yêu cầu về tranh chấp con chung.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Hạng Mí H.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh H2 Mí Hồ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Giàng Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Nghĩa Thuận;
- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Đình Vĩ**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND H.Quản Bạ (2);
- UBND xã Quản Bạ;
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS H.Quản Bạ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Đình Vĩ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lệnh Xuân Chính** **Lục Thị Cương** **Tô Đình Vĩ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Viên Thị Nguyên** **Vũ Văn Học** **Tô Đình Vĩ**